双边海运条约集

交通部运输管理司　　编

人民交通出版社

双边海运条约集

主　编：张　奇　韩文卿　曹忠喜
副主编：王德贞　刘秀明　王繁敏

人民交通出版社

(京)新登字 091 号

双边海运条约集

主　编：张　奇　韩文卿　曹忠喜
副主编：王德贞　刘秀明　王繁敏
正文设计：乔文平　责任校对：赵艳玲
人民交通出版社出版
内部发行
瑞华印刷厂印刷
开本：787×1092　1/16　印张：21.5　字数：550 千
1991 年 12 月　第 1 版
1991 年 12 月　第 1 版　第 1 次印刷
印数：0001—1300 册　定价：35.00 元
ISBN 7-114-01144-X
U・00748

编 者 说 明

双边海运条约是国家与国家之间签订的重要条约之一。随着我国对外关系和海运事业的迅速发展，我国与外国签订的这类条约日益增多。缔约双方在海运条约中规定的相互给予对方的优惠待遇和合作内容，海运条约的执行与受益对象，不仅与双方的海运主管部门、海运企业、外轮代理企业、对外贸易运输企业、船舶租赁企业和对国际航运开放的港口有关，而且与外交、外贸、海关、边防、公安、税务、银行、商检、动植物检疫等有关部门、有关行业也有密切的关系。这些条约不仅是我国有关海运企业、海运船舶的必备资料，也是其他众多部门或单位及其有关工作人员、研究学者的必备资料。因此，我们收集了我国自中华人民共和国成立以来与外国签订的所有双边海运条约，包括通商航海条约、海运协定及换文等其他重要双边海运文书。

本书共收集我国与外国签订的通商航海条约、海运协定和换文等 54 个，涉及 45 个国家。为了便于有关涉外工作人员在对外打交道中引用有关条约、协定外文本的原文，多数条约、协定的外文本也被一并编入了本条约集。由于我国和其他国家互免海运税收的协议有的是通过签订海运条约解决的，有的是通过签订避免双重征税和防止偷漏税协定解决的，也有与同一个国家签订的海运协定和避免双重征税和防止偷漏税协定中都包含这方面的内容的，所以我们把我国与其他国家签订的避免双重征税和防止偷漏税协定中的有关海运方面的内容也都以摘录方式编入了本书。

使用者如发现其中有疏漏与错误之处，希望及时指正。

交通部运输管理司

目　录

一、中、越(越南)海上运输协定、通商航海条约 …… 1
二、中、苏(苏联)国境及其相通河流和湖泊的商船通航协定、通商航海条约…… 11
三、中、德(民主德国)通商航海条约、海运合作议定书、税收协定(摘录) …… 25
四、中、德(联邦德国)海运协定、税收协定(摘录)…… 41
五、中、朝(朝鲜)国境河流航运合作协定、通商航海条约…… 49
六、中、阿(阿尔巴尼亚)通商航海条约 …… 54
七、中、加(加纳)海运协定 …… 61
八、中、刚(刚果)海运协定 …… 64
九、中、斯(斯里兰卡)海运协定、联合海运航线协议、税收换文 …… 67
十、中、巴(巴基斯坦)海运协定 …… 77
十一、中、意(意大利)海运协定、税收协定(摘录)…… 81
十二、中、希(希腊)海运协定 …… 90
十三、中、柬(柬埔寨)相互承认船舶证书的换文 …… 95
十四、中、缅(缅甸)相互承认船舶证书的换文 …… 97
十五、中、印尼(印度尼西亚)海运协定、航运协议 …… 100
十六、中、扎(扎伊尔)海运协定…… 116
十七、中、保(保加利亚)海运协定…… 123
十八、中、挪(挪威)海运协定、税收协定(摘录) …… 132
十九、中、丹(丹麦)海运协定、税收协定(摘录) …… 143
二十、中、日(日本)海运协定、海运免税换文、税收协定(摘录)…… 154
二十一、中、瑞(瑞典)海运协定、税收协定(摘录) …… 159
二十二、中、比(比利时)海运协定、税收协定(摘录) …… 168
二十三、中、荷(荷兰)海运协定、税收协定(摘录) …… 180
二十四、中、法(法国)海运协定、税收换文 …… 188
二十五、中、阿(阿尔及利亚)海运协定…… 197
二十六、中、新(新西兰)航运方面互给最惠国待遇的换文、税收协定(摘录) …… 203
二十七、中、罗(罗马尼亚)海运协定…… 208
二十八、中、芬(芬兰)海运协定、税收协定(摘录) …… 211
二十九、中、阿(阿根廷)海运协定、税收换文 …… 221
三十、中、孟(孟加拉)海运协定…… 229
三十一、中、泰(泰国)海运协定、税收协定(摘录) …… 235
三十二、中、巴(巴西)海运协定…… 245
三十三、中、南(南斯拉夫)海运合作协定、互免客货运输收入税收协定 …… 252
三十四、中、美(美国)海运协定、互免海、空运企业运输收入协定、税收协定(摘录) …… 260

此为试读,需要完整PDF请访问: www.ertongbook.com

三十五、中、新(新加坡)海运协定、税收协定(摘录) …… 276
三十六、中、墨(墨西哥)海运合作协定…… 283
三十七、中、捷(捷克斯洛伐克)外贸货物运输协定、税收协定(摘录) …… 289
三十八、中、古(古巴)协议书…… 292
三十九、中、马(马来西亚)海运协定、税收协定(摘录) …… 295
四十、中、塞(塞浦路斯)海运协定…… 305
四十一、中、波(波兰)税收换文…… 314
四十二、中、智(智利)互免海运税收换文…… 315
四十三、中、英(英国)税收协定(摘录)…… 317
四十四、中、加(加拿大)税收协定(摘录)…… 318
附:我国政府与外国政府通过签订协定、协议或换文解决国际海运运输收入
有关税收问题一览表 …… 319

一、中、越(越南)海上运输协定、通商航海条约

(一)中华人民共和国政府和越南民主共和国政府关于两国间海上运输的协定

中华人民共和国政府和越南民主共和国政府根据平等互利的原则,为了增强两国间的经济合作关系,发展两国间的海上运输,特达成协议。条文如下:

第一条

凡悬挂中华人民共和国国旗和悬挂越南民主共和国国旗的商船,均可在双方已经公布开放为国际通商的港口之间通航,从事两国之间或第三国货物和旅客的运输。

第二条

缔约一方的商船,如有必要在另一方公布开放为国际通商港口以外的其他港口航行,须事先取得另一方的同意。

第三条

缔约一方提出并经另一方的同意,其商船可在另一方的沿海航行,从事货物和旅客的运输。

第四条

两国之间经由海上运输的旅客和货物,在不妨碍运输期限的情况下,优先给缔约国双方的船只载运。缔约一方对航行两国间的另一方商船,在货运和客运上,应该给予帮助。

第五条

双方商船在同一航线上的客货运价,另由双方协商制定。

第六条

缔约一方商船在另一方的领海或在港内航行或停泊时,商船和船员应遵守另一方的法令和规章。并应按另一方政府或其指定机构所公布的规定缴纳各种捐税和规费。

第七条

缔约一方的商船航行到另一方的港口时,应由另一方国营代理机构进行船舶代理业务和各项必需的服务工作。应征收的费用概按另一方国营代理机构所颁布的规章办理。

第八条

为了双方商船在海上的航行安全,双方应互相交换海上气象报告、航道、航标和其他的助航设备的变化情况。

第九条

缔约一方的商船在另一方领海或港内发生海难或遭遇其他危险时,另一方获悉后,应采取积极措施,对遇难的船舶、旅客、船员和货物进行救助。

第十条

缔约一方如租用第三国商船从事两国间的海上运输时,须事先征询另一方的同意后,才可

以应用本协定所规定的各项条款。

第十一条

缔约一方如因运输业务的需要，经征得另一方的同意后，可在自己要求的地点设立代表机构进行业务联系。

第十二条

双方有关企业和所属商船可根据实际需要，依照本协定的精神，另行签订具体的业务合同。

第十三条

双方在进行运输业务时所产生的费用的支付，通过两国国家银行办理。

第十四条

双方在解释或执行本协定如发生分歧时，由双方政府协商解决。

第十五条

本协定自双方签字之日起生效，如缔约双方中的任何一方愿意终止本协定时，则用书面通知对方，并自发出该通知之日起三个月后失效。

本协定于 1956 年 12 月 20 日在越南民主共和国首都河内签订，共两份，每份都用中文和越文写成，两种文体具有同等效力。

中华人民共和国	越南民主共和国
政府全权代表	政府全权代表
李　清	**李文森**
（签字）	（签字）

HIEP-DINH

Vê vân tái duòng biên giuã' hai Nu'ò'c cua chính phu Nu'ó'c Công-hòa Nhân-dân Trung-hoa và Chính phu cua Nu'o'c Viêt-Nam Dân-chu Công-hòa

Căn cú' trên nguyên tác bình dăng，hai bêu dêu cò lo'i và dê tăng cu' ò'ng quan hê ho'p tác kink tê，phát triên van tai du'ò'ng biên giũ'a hai Nu'ó'c Chinh Puu Nu'öc Công-hòa Trung-hoa va Chinh phu Nu'ò'e viêt-nam Dân-chú Công-hòa dã th'oa thuân các diëu knoàn nhu' sau：

DIEU 1

Phàm nhũ'ng tâu buôn co treo cò' Nu'ó'c Câng-hòa Nhân dân Trung-hoa và cò'Nu'ó'c Viêt-Nam Dân-chu Công-hòa deu du'o'c dilai giu'a các H'ai c'ang mà hai bên dã công bö mo' cho viêc thông thu'o'ng quôc tê dê chuyên cho' hàng hóa vá hành khách giũ'a hai nu'óc'c hay cua un'ó'c thú' ba.

DIEU 2

Nêu tâu buôn của môt bên ky' kêt căn di lai môt Hai cang khác ngoài nhũ'n Haicang do bên kia

công bố mo' cho su' thông thu'o'ng quoc tê, thí phai du'o'c su'dăng tru'óc cua bên kia.

DIEU 3

Nëu môt bên ky' kêt dë ra và du'o'c bên kia dông thì tâu buôn cua bên dó co thè di theo duyên hai cùa bên kia dê vân tai hàng hóa và hành khách.

DIEU 4

Hàng hóa và hánh khách chuyên cho' bàng du'ò'ng biên giu'a hai Nu'ó'c trong tru'ò'ng ho' p không tro' ngai dën ky' han vân tai thì u'u tiên giành cho tâu cua hai bên ky' kêt chuyên cho'. Môt bên ky kêt dôi vó'i tâu buôn bên kia di lai giữ'a hai Nu'ó'c nên giúp do' bên kia vë viên vân tai hàng hóa vá hánh khách.

DIEU 5

Giá cu'ó'c chuyên cho' hàng hóa và hánh khach cua tâu buôn hai bên trên môt du'ò'ng hàng hai nhu' nhau sẽ do hai bên thu'o'ng lu'o'ng riêng dê dăt ra.

DIEU 6

Khi tâu buôn cua môt bên k kêt di lai hoăc dâu o' trong Hai phân hay trong Ha • i cáng cua bên kia, thì tâu buôn vá thuyên viên cân phai tuân theo luât lê quy tăc cua bên kia và phai nôp các thú thuê và các phí tôn dã quy dinh theo quy dinh cua Chính Phu bên kia hay co' quan du'o'c Chính Phu bên kia chi dinh dã công bô.

DIEU 7

Khi tâu buôn cua môt bên ky kêt dên Hai cang cua bên kia, thi do co' quan dai ly quôc doanh bên kia dam nhân nghiêp vu dai ly tâu biên và các công tác phuc vu cân thiêt khác. Nhữ'ng phí tôn cân thu sẽ theo thê lê co' quan dai ly quôc doanh c a bên kia dã ban bô.

DIEU 8

Dë cho tâu buôn hai bên di lai du'o'c an toàn trên măt biên, hai bên dêu phai trao dôi vó'i nhau nhữ'ng báo cáo vê khí tu'o'ng trên măt biên và nhữ'ng tình hình thay dôi vê du'ò'ng lach hàng hai, các hàng tiêu và các thiêt bi khác giúp cho viêc hàng hai.

DIEU 9

Khi tâu buôn môt bên k kêt găp tai nan hay nhữ'ng su' nguy hiêm khác trong Hai phân hay tai Hai càng bên kia thì sau khi môt bên du'o'c tin phai dùng moi biên pháp tích cu'c dë cúu tro' cho tâu, hành khách, thuyên viên và hàng hóa gâp phai tai nan.

DIEU 10

Nêu môt bên thuê tâu buôn cüa nuóc thù ba dê dùng vào viêc vân tài giữa hai nuóc thì truöc tiên phài dùöc sudöng yc'ua bên dã k kêt rõi möi dúoc áp dung các dicu knoan ké trong ban hiêp dinh này.

DIEU 11

Nêu vì nhu câu nghiêp vu vân tai, môt bên ky' kêt có th dăt co' quan dai diên o' no'i mình yêu câu dê tiên hành liên hê nghiêp vu, sau khi dã du'o'c su' y cua bên kia.

DIEU 12

Các xí nghiêp có liên quan và các tâu buôn thuôc xí nghiêp cua hai bên có thê căn cú' theo nhu câu thu'c tê và du'a theo tinh thân cua ban hiêp dinh này mà k kêt riêng các ban ho'p dông nghiêp vu cu thê.

DIEU 13

Viêc thanh toán phí tôn trong nghiêp vu vân tai mà hai bên dã tiên hành sẽ qua Ngâ—hàng Quôc-gia cua hai bên giai quyêt.

DIEU 14

Khi hai bên bât dông kiên trong viêc giai-thích hoăc thi hành ban hiêp dinh này thì do Chính Phu hai bên sẽhiêp thu'o'ng dê giai quyêt.

DIEU 15

Ban hiêp dinh này có hiêu lu'c kê tù' ngày du'o'c hai bên ky' kêt. Nêu môt trong hai bên ky kêt muôn châm dú't ban hiêp dinh này thì phai thông tri băng văn ban cho bên kia biêt và kê tù ngày thông tri dên hêt 3 tháng sau ban hiêp dinh sẽ không còn hiêu lu'c nuũ'a.

Bàn hiêp dinh này ky' kêt ngày 20 tháng 12 năm 1956 tai Hà-nôi,Thúdô Nuöc Viêt-Nam Dân-Cnù Công-hòa,göm hai bàn,môi ban dêu viêt băng trung-văn và viêt-văn,hai loai văn ban dêu có hiêu lu'c nuh' nhau.

Dai biêu toàn quyên	Dai biêu toàn guyën
Chính Phu Nuóic Công-hòa	Chính Phu Nu'óc Viêt-Nam
Nhân-dân Trung-Hoa.	Dâ-chu Công-hòa.

(二)中华人民共和国和越南民主共和国通商航海条约

中华人民共和国主席和越南民主共和国主席,基于巩固并进一步发展两国之间经济关系的共同愿望,并考虑到在经济关系方面进行合作的重大意义,决定缔结本条约。为此,各派全权代表如下:

中华人民共和国主席特派中华人民共和国对外贸易部部长叶季壮;

越南民主共和国主席特派越南民主共和国对外贸易部部长潘英。

双方全权代表互相校阅全权证书,认为妥善后,议定下列各条:

第一条

缔约双方将本着友好合作、互相帮助的精神,在平等互利的基础上,采取一切必要的措施,发展和巩固两国间的通商关系。

为此目的,缔约双方政府将根据两国国民经济发展的需要,缔结包括长期协定在内的各项协定,以保证相互间的商品流转的发展。

第二条

缔约双方在有关两国间通商、航海和其他一切经济联系方面,相互给予最惠国待遇。

第三条

缔约双方在各种海关问题上相互给予最惠国待遇,特别是关于关税和其他税收;关于货物在海关监管下存入仓库;关于货物由海关监管时所适用的规章和手续。

第四条

缔约一方的天然产物和制造品输入到缔约另一方领土时，缔约另一方不得征收异于或高于从任何第三国输入的同样天然物产和制造品所征收的关税和其他税收，也不得采用不同的规章和更繁琐的手续。同样，缔约一方的天然物产和制造品向缔约另一方领土输出时，缔约一方不得征收异于或高于向任何第三国输出的同样天然物产和制造品所征收的关税和其他税收，也不得采用不同的规章和更繁琐的手续。

第五条

在海关当局规定的期限内，对持有证明的下列复输出或复输入的物品，在输出和输入时，免征关税和其他税收：

（一）用于博览会、展览会或比赛的物品；

（二）用于实验或试验的物品；

（三）为修理而输入并以修复状态运回的物品；

（四）安装技师携入或携出或寄给他们的安装用具和工具；

（五）为加工或改制而输入并以加工或改制后的状态运回的天然物产或制造品；

（六）为包装输入印有标记的空包皮以及装有进口货物并在预定期限届满后应予运回的包皮。

对于仅用作货样并在贸易习惯上通用数量内而输入到缔约另一方领土的货物样品，以及在缔约另一方领土上输入或复输出的样本、目录、价目表和包括广告影片在内的宣传资料，无条件地免征关税和其他税收。

第六条

缔约一方在自己领土内，对缔约另一方的天然物产和制造品，因生产加工、流通或消费所征收的各种国内税，在任何情况下，都不得高于对任何第三国同样产品所征收的数额。

第七条

缔约任何一方对从缔约另一方领土的输入或向缔约另一方领土的输出，都不应当采用对任何其他国家所不适用的任何限制或禁止。

为了国家安全、维持公共秩序、保健、保护动植物、保护艺术品和历史文物，缔约双方得保留对这些输入和输出规定限制或禁止的权利，如果在相同情况下，对任何第三国也适用这些限制或禁止。

第八条

缔约一方的船舶和船上货物在缔约另一方的港口驶入、驶出和停泊时，应享受最惠国待遇。这种待遇特别适用于下列场合：

（一）以国家、地方当局或其他机构的名义并为他们所征收的各种税收和费用；

（二）执行海关、边防检查、检疫、港口规章和手续；

（三）船舶在港口和锚泊地系泊、移泊、装卸和转载货物；

（四）对引水、航道、船闸、桥梁、信号和标示航路的灯光的使用；

（五）对起重机、衡器、仓库、船厂、干船坞和修理厂的使用；

（六）燃料、润滑材料、船员和旅客所需用品的供应。

本条规定不适用于包括引水和拖带在内的各种港口业务的执行，以及沿海航行。但是，缔约任何一方的船舶，为卸下从国外运来的货物或装载货物运往国外，而由缔约另一方的一个港口驶往该方的另一个港口时，不算作沿海航行。

第九条

此为试读，需要完整PDF请访问：www.ertongbook.com

如果缔约一方的船舶在缔约另一方沿岸遭遇海难或倾覆时，该船舶和货物应享受缔约另一方在相同情况下给予本国船舶同样的待遇。

对于船长、船员、旅客以及船舶和船上货物，缔约另一方应随时给予在相同情况下对待本国船舶同样的必要援救和协助。

第十条

缔约双方船舶的国籍，应当根据船舶旗帜所属缔约一方主管机关依照法律发给的船舶文书，相互予以承认。

缔约一方主管机关发给的船舶吨位证书、其他船舶证书和文书，缔约另一方有关机关应予承认。据此，持有合法吨位证书的缔约任何一方的船舶，在缔约另一方港口免予重新丈量。证书所载的船舶吨位，应作为计算征收船舶吨税和港务费的根据。

缔约一方主管机关应将其所颁发的各种船舶证书的格式送交另一方。

第十一条

缔约一方经由缔约另一方国内铁路、公路、水路和航空运输货物、旅客和行李时，在同一方向和同一距离内，关于货载承运、运输方法、运费和运输有关的其他费用方面，缔约另一方应给予最惠国待遇。

第十二条

缔约一方的天然物产和制造品，经过缔约另一方的领土运往第三国领土时，或由第三国领土运来的货物经过缔约另一方的领土时，免征关税和其他税收。

上述产品和货物过境时，在适用规章和手续方面，应享受不低于给予任何第三国过境货物的优惠待遇。

第十三条

缔约任何一方的法人和自然人在缔约另一方境内在各方面享受不低于给予任何第三国法人和自然人的优惠待遇。

第十四条

缔约任何一方为便利边境地区同邻国间的边境贸易关系所提供的或在以后将提供的权利和优惠不适用于本条约的规定。

第十五条

缔约双方的法人或机关所订立的同贸易有关的契约发生争执时，如果当事人双方已通过适当方式，同意由为此目的而专门设立的或常设的仲裁法庭审理该项争执，则该项争执的仲裁裁决，缔约双方应当保证执行。

关于执行仲裁裁决的决定以及仲裁裁决的执行，应依照执行裁决的缔约一方的法令进行

第十六条

本条约须经批准，并自互换批准书之日起生效，批准书在河内互换。

本条约在缔约任何一方通知愿予终止它的效力之日起六个月后失效。

本条约于 1962 年 12 月 5 日在北京签订，共两份，每份都用中文和越文写成，两种文本具有同等效力。

中华人民共和国主席	越南民主共和国主席
全权代表	全权代表
叶季壮	**潘　英**
（签字）	（签字）

※　　※　　※

编者注：本条约于 1962 年 12 月 25 日经中华人民共和国主席批准、1963 年 1 月 12 日经越南民主共和国主席批准后，于 1963 年 2 月 15 日在河内互换批准书。根据第十六条的规定，本条约自 1963 年 2 月 15 日起生效。

HIEP UOC THUONG MAI VA HANG HAI GIUA NUOC CONG HOA NHAN DAN TRUNG-HOA VA NUOC VIET-NAM DAN CHU CONG HOA.

Nhàm muc dích cung có và phát triên ho'n nũ'a quan hê kinh tế giũ'a hai nu'o'c và nâng cao tác dung ló'n lao cua su' ho'p tác giũ'a hai nu'ó'c trên lĩnh vu'c kinh tê;

Chú tich nu'ó'c Công—hòa Nhân dân Trung-hoa và chu tich nu'ó'c Viêt-nam Dân chu Công, hôa quyêt dinh k　ban hiệp u'óc này và cu' nhũ'ng dai diên toàn quyên sau dây dê k　két:

Chú tich nu'ó'c Công-hòa Nhân dân Trung-hoa cu':

Ong Diệp qúy Tráng Bô tru'o'ng Bô Mâu dich dôi ngoai hu'ó'c Công-hoa Nhân dân Trung-hoa.

Chu tich nu'ó'c Viêt-nam Dân chu Công-hòa cu':

Ong Phan Anh Bô tru'o'ng Bô Ngoai thu'o'ng nư'óc Viêt-nam Dân chù Công-hòa.

Nhũ'ng vi dai diên toàn quyên sau khi trao dôi giáy uy quyên theo thu tuc dã quy dinh，dã thoa thuân các diêu du'ó'i dây:

Diêu 1 Hai bên K　két sẽthi hành moi biên pháp cán thiêt dê phát triên và cùng có quan hê thu'o'ng mai giũ'a hainu'óc vói tinh thàn ho'p tác hũ'u nghi，tu'o'ng tro' trên co' so' binh dang hai bên cùng có lo'i.

Nhăm muc dích dó；Chính phu hai nu'ó'c sẽ ky kết nhũ'ng Hiệp dinh kè ca nhũng Hiep dinh dài han，dê dam bao viêc phát triên trao dôi hàng hoa vó'i nhau，cân cú' vào yêu câu phát triên nên kinh tê quóc dân cua hai nu'ó'c.

Diêu 2 Hai bên giành cho nhau chê dô tôi huê quòe trong các vấn dè thu'o'ng mai và háng hái cũng nhu' trong moi quan hê kinh tê khác giu'a hai nu'ó'c

Diêu 3 Hai bên giành cho nhau chê dô tôi huê quôc vê moi vân dè hai quan，nhát là vè thuê xuất nhập khâu và cac thú' thuê khác，viêc lu'u kho du'ó'i su' kiêm soát cua hai quan，moi the lê và thu tuc cua hai quan lúc kiêm soát hàng hoa.

Diêu 4 Nhũ'ng san vật thiên nhiên và san pham chê biên nhập khâu tù' dất môt bên vào dất bên kia không phai chiu thuê nhập khâu hay nhũ'ng thú' thuê khác cao ho'n hoặc khac ho'n nhũ'ng thú' thuê dánh vào san phâm tu'o'ng tu nhũ'ng cua bat cu' môt hu'o'c thu' ba nào cũng nhu' không phai chiu nhũng the lê khác và tuu tuc phiên phú'c ho'n nhũ'ng thê lê và thu tuc áp dung cho san phâm tu'o'ng tu' cua bât cú' môt nu'ó'c thú' ba nào Cũng nhu' nhũ'ng san，vật thiên nhiên và san phâm chê biên cua môt bên xuất khâu sang bên kia cũng sẽ không pha chiu thuê xuất khâu hay nhũ'ng thú' thuê khác cao ho'n hoặc khac ho'n nhũ'ng thú' thuê dánh vào san phâm tu'o'ng tu' khi xuất sang bât cú' môt nu'ó'c thú' ba nào，cũng nhu' không phai chiu nhu'ng thê lê khác và thu

tuc phiên phu'c ho'n nhũ'ng the le va thu tuc ap dung cho san phâm tu'o'ng tu' khi xuất khâu sang bât cu' mot nu'o'c thu' ba nao.

Diêu 5 Tru'ờng ho'p tai xuat hay tat nhập trong môt tho'i gian nhât dinh do co' quan hai quan quy dinh, nêu co bàng, chúng xác nhân, sẽ du'o'c miên, thuê xuất nhập khâu và các thú' thuê khác khi xuất nhập khâ nhũ'ng vật phâm sau dây:

1)Vật phâm gu'i di du' hôi cho', triê lãm và du' thi;

2)Vật phâm dùng dê thí nghiêm hay thu'c nghiêm;

3)Vật phâm nuập khâu dê su'a ch'a và sau khi su'a chũ'a sê xuất tra vê vé vó'i dang dãsu'a chũ'a;

4)Dung cu và công cu tháo lắp máy do ngu'o'ò'i lăp máy mang di hoặc mang vê hay g'u'i cho ho;

5)San vân thiên nhiên và san phâm chê biên nhập khâu dê chê biên hoặc su a lai và sau khi chê biên hoâc su'a lai g'u'i tro' vê vó'i dang dã chê biên hoặc su'a lai;

6)Bao bi có nhãn hiêu nhập dê dòng hàng vào và ca bao bì du'ng hàng nhập, phai g'u'i tro' vê trong thò'i han dã du' dinh.

Nhũ'ng mâu hàng chi dùng vào muc dích làm mâu và không qúa sò lu'o'ng thu'ò'ng da du'o'c công nhân trong viêc buôn bán, nhũ'ng ban mâu hàng, ban tên hàng, ban giá ca, nhũ'ng tài iêu tuyên gôm phim anh quang, cáo, lúc nhập cũng nhu' lúc tái xuất trên dât môt nu'ó'c ky tết dêu du'o'c hoàn toàn miên thuê xuất nhập khâu vàc thú' thuê khac.

Diêu 6

Múc thuê nôi dia áp dung trên dât aôt bên ký kết vào viêc san suất chê biên, lu'u thông hoặc tiêu thu san vât thiên nhiên và san phẩm chê biên cua bên kia, bât ky' trong tru'ò'ng ho'p nào cũng dêu khoông du'o'c cao ho'n mu'c thuê đánh vào san phâm tu'o'ng tu' cua bât cú' môt nu'ó'c thú' ba nao. ba nào.

Diêu 7 Môi bên ky, kêt sẽkhông áp dung bât cú' môt su' han chê hoặc câm doán nào trong viêc nhập tu' dàt nu'óc bên kia hoặc trong viêc xuất khâu sang nu'ó'c bênkia nêu các diêu han chê và câm doán ây không áp dung dôi vó'i nhu'ng nu'ó'c khác.

Nhu'ng dê dam bao su' an ninh cua Nhà nu'ó'c, duy tri trât tu' xa hôi; bao vê sú'c khoe chung, bao vê, sinh vât và cây côi, các san phâm nghê thuât, dò cô và tác phâm lich su'; hai bên ky' kêt vân co quyê câm hoặc han chê xuất khâu hoặc nhập kâu nêu viêc han chê và câm doán này du'o'c áp dung dói vó'i bât cú' nu'ó'c thu' ba nào vi nhũ'ng ly' do tu'o'ng tu'.

Diêu 8 Tàu bè và hàng hóa cho' trên tàu cua môt bên ky' kêt khi ra cang, khi vao cang cũng nhu' khi dâu tai cang cua bên kia sẽ du'o'c hu'o'ng chê dô tói huê quôc. Chê dô này sẽ du'o'c áp dung dâc biêt trong nhũ'o'ng tru'o'ng ho'p sau dây:

1)Thu các thú' thuê và phí tôn vó'i danh nghĩa và vì lo'i ich cua Nhà nu'ó'c, cua dia phu'o'ng hoă các tô chú'c khác;

2)Châp hành thê lê và thu tuc cua cang, hai quan kiêm tra biên phòng và kiê dich;

3)Tâu câp bên, câp phao, chuyên bên, bôc rõ' và chuyên tai hãng hóa;

4)Su dung hoa tiêu, luòng lach, dâp nu'ó'c, càu công, tín hiêu, dèn hiêu dê hu'ó'ng dân tàn di;

5)Su dung càn truc, cân, kho tàng, xu'o'ng, tàu, u chũa tàu và các xu'o'ng su'a chũ'a;

6)Cung cáp nhiên liên,dàu mõ và nhũ'ng thú' cán thiêt cho thuy thu,và hành khách.

Diêu khoan này không áp dung dôi vó'i nhũ'ng hoat dông nghiêp vu cua cam kê ca viê hu'o' ng dân tàu và keo tàu cung nhu' dôi vói táu chay ven biên:Tuy nhiên không thê xem la tàu chay ven biên khi tàu cua môt bên ky két di tù' môt hai cang này dén môt hai cang khác cua bên kia dê rót xuóng nhũ'ng hàng cho tu' nu'o'c hgoai dèn hoâc dè bôc lên nhũ'ng hàng cho,sang nu'ó khác.

Diêu 9 Nêu tàu cua môt bên ky kêt bi tai nan hoăc bi dám ogân bò' biên cua bên kia thi tàu và hàng sẽ du'o'c hu''ng nhu'ng quyên lo'i mà nu'ó'c bên kia dã dinh ra cho tàu mình khi gặp hoàn canh tu'o'ng tu'.

Thuyên tru'o'ng,thuy thu,hành khách,cũng nhu' tàu và hàng cho' trên tàu bât cu' lúc nào cũng du'o'c cập cú'u và giúp dỡ' nhu' vó'i tàu bè cua chính nu'ó'c minh khi gặp hoàn canh nhu' thê.

Diêu 10 Quôc tich tàu cùa hai bên ky kêt du'o'c thù'a nhâa nhân cân cú' vào các giây tò' do co' quan chu quan môi bên cập phát cho tàu bè theo pháp luât cua bên ky kên có quôc ky treo trên tàu.

Nhũng giây tò' chú'ng nhân vê trong tai cua tàu cùng các giây tò' chú'ng nhân khác trên tàu do co' quan chu quan cua môt bên ky kêt cập cho tàu sẽ du'o'c co' quan hũ'u quan bên kia thù'a nhân. Do dó tàu cua môi bên ky' kêt khi có giây chú'ng nhân ho'p pháp vê trong tai sẽ du'o'c miên do lai o' cang cua nu'o'c bên kia. Trong tai thu'c tê cua tàu ghi trong chú'ng tù' sẽ dùng làm co' so' dê tính thuê trong tai tàu và tính các phí tôn cang vu khác.

Co' quan chuquan môi bên sẽ phai g'u'i các loai cách thú'c giấy tò' chú'ng nhân cập cho tàu dê bên kia biêt.

Diêu 11 Trong viêc chuyên cho,hàng hóa,hành khách và hành l cua môt bên k kêt trên dât nu'ó'c k kêt bên kia bàng du'ò'ng săt,du'ò'ng bô,du'ò'ng thuy,hàng không,hai bên k kêt sẽ giànn cho nhau,chê dô tôi huê quôc vê su' nhân dê chuyên cho';phu'o'ng pháp chuyên cho' va cu' ó'c phí chuyên cho' cùng các phí tôn vân tai khác trên cùng môt phu'o'ng hu'ó'ng và trên cúng môt doan du'ò'ng vâ chuyên.

Diêu 12 San thiên và san phâ chê biên cua môt bên k kêt trong khi cho'ngang qua dât bên kia dê dên môt nu'ó'c thú' ba hoăc tù' môit nu'ó'c thú' ba cho' quadât cua bên kia dê vê môt bên nu'ó'c ky két;sẽ không phai dóng thué xuât nhâp khâu và các thu' thuê khác.

Vê mâ thê lê và thu tuc quá canh,các hàng hóa nói trên sẽ du'o'c hu'o'ng môt chê dô không kém chê dô u'u dãi giành cho cac hàng hoá quá canh cua bât cú' môt nu'ó'c thú' ba nào.

Diêu 13 Nhũ'ng pháp nhân và tu' nhiên nhân cua môi bên ky' kêt,vê moi măt,sẽ du'o'c hu' o'ng trên dât nu'ó'c bên kia môt chê dô không kém chê dô giành cho pháp nhân và tu' nhiên nhân cua bât cú' môt nu'ó'c thú' ba nào.

Diêu 14 Nhũ'ng diêu quy dinh trong Hiêp u'ó'c này không áp dung dói vó'i nhũ'ng quyên lo'i và quyên u'u dãi mà môi bên ky kêt gianh hoăc sẽ gianh trong tu'o'ng lai cho viêc phát triên quan hê mâu dich biên gió'i giũ'a các láng giêng.

Diêu 15 Khi pháp nhân hoăc co'quan cua hai bên ky' kêt có su' tranh châp vê nhũ'ng cam kêt thu'o'ng mai,nêu du'o'ng su' hai bên dung phu'o'ng thúc thích dáng,dòng y đu'a ra tòa án trong tài dăc biêt hoăc Thu'ò'ng tru'c dê xu' ly' thì các ban nghi quyêt cua trong tai xu' viêc tranh châp

ây phai du'o'c hai bên ky' kêt bao dam châp hành.

Lênh thi hành cũng nhu' bau' viêc thi hành các nghi quyêt trong tài phai phù ho'p vó'i luật pháp bên nu'ô'c ky' kêt mà ban nghi quyêt dó sẽ du'o'c thi hành.

Diêu 16 Hiêp u'ó'c này sẽ du'o'c phê chuân và có hiêu lu'c kê tù' ngày trao dôi thu' phê chuân. Thu' phê chuân sẽ trao dôi tai Hà—nôi.

Hiêp u'ó'c này sẽ mât hiêu lu'c sau sáu tháng kê tù' ngày môt bên k kêt thông báo xin huy bo Hiêp u'ó'c này.

Hiêp u'ó'c này ky' tai Bắckinh ngày 5 tháng 12 năm 1962 gòm có hai ban, môi ban dêu, viêt bằng chữ' Trung-quóc và chữ' Viêt-nam, hai ban dêu có giá tri nhu' nhau.

Dai diên toàn quyên cua
Chu tich
nu'ó'c
Công-hòa Nhân dân Trung-hoa

Dai diên toàn quyên cua
Chu tich
nu'óc
Viêt-nam Dân chu Công-hòa

二、中、苏(苏联)国境及其相通河流和湖泊的商船通航协定、通商航海条约

(一)中华人民共和国政府和苏维埃社会主义共和国联盟政府关于国境及其相通河流和湖泊的商船通航协定

中华人民共和国政府和苏维埃社会主义共和国联盟政府基于进一步发展两国之间的物资交流的愿望,并愿互相提供黑龙江、松花江、乌苏里江、额尔古纳河、喀喇额尔齐斯河、伊犁河、松阿察河及兴凯湖商船通航的方便条件,缔结本协定如下:

第一条

缔约双方在各方面,包括港务费和航行费方面,遵守相互和平等的原则,采取措施,以便缔约双方的商船在黑龙江(包括苏维埃社会主义共和国联盟境内黑龙江下游至出海口)、松花江、乌苏里江、额尔古纳河、喀喇额尔齐斯河、伊犁河、松阿察河的通航全程和兴凯湖,以及有关港口,于通航季节昼夜任何时间内可能和自由通航。

前款规定的河流和湖泊商船通航的港口和地点,由缔约双方的航运主管部门,根据中苏物资交流的需要,在航期开始前共同及时确定,以便航运企业的船舶可以在开航时立即开始航行。

第二条

缔约双方在有关本协定第一条所指河流和湖泊的商船通航的各方面,包括缔约一方船舶在缔约另一方的港口停泊和进行作业(包括装卸作业)、使用港口设备和港口仓库、供应船舶燃料和食品、收取各种捐税以及必要时给予医疗救助等,互相提供优惠条件。

第三条

在本协定第一条所指河流和湖泊上往返的中苏货物运输和过境运输,以尊重双方航运企业利益为原则,在缔约双方航运企业间进行合理分配,使双方都能满意地参加这种运输。

关于执行本协定所产生的技术问题和其他问题,可由缔约双方的航运企业另行商定。

第四条

缔约一方的船舶在缔约另一方的水域时,应遵守缔约另一方水域现行的法律和命令。在船上关于内部秩序适用所悬国旗的缔约一方的法律和命令。

缔约一方承认缔约另一方有关该国船舶在船舶结构和装备、船员配备和船舶文书方面的规定。

缔约一方船舶在缔约另一方的水域航行时,可不使用缔约另一方的引水员领航,如船长请求派遣引水员时,缔约另一方应采取一切措施,尽速地予以满足。

第五条

缔约双方在本国现行法律和规章范围内采取措施,以便在本国港口和国境地点尽可能迅

此为试读,需要完整PDF请访问: www.ertongbook.com